TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK MIL** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 22/2021/HNGĐ-ST
Ngày 16/7/2021
Về việc: "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Minh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Chấn, ông Nguyễn Tiến Tịnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Thế Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên toà: Bà Lê Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 196/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2019 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2021/QĐXX-ST ngày 10 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phan Trọng P, sinh năm 1976 (Vắng mặt có đon xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, Thành phố H, tĩnh Hà Tĩnh.

- Bị đơn: Bà Lê Thị Diệu L, sinh năm 1979 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố 04, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng TMCP Đ.

Địa chỉ: Tháp B, số 35 H, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thế H – Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Phòng giao dịch Đắk Mil (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Ngân hàng TMCP C.

Địa chỉ: Số 108 T, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn P – Nhân viên phòng tổng hợp Ngân hàng TMCP C chi nhánh Đắk Nông (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn ông Phan Trọng P trong quá trình giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Lê Thị Diệu L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Thạnh 3, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 15/01/2005, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc.

Về con chung: Trong thời gian chung sống ông và bà L có 02 con chung tên Phan Trọng H, sinh ngày 11/07/2006 và cháu Phan Lê Diệu T, sinh ngày 23/11/2015.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Trong cuộc sống hôn nhân ông và bà L không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cải nhau, bà L hay gen tuông vô cớ, nhận thấy cuộc sống chung của hai vợ chồng không còn hạnh phúc. Do đó ông làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết những vấn đề sau: Về quan hệ hôn nhân: Xin ly hôn với bà Lê Thị Diệu L; Về con chung: Giao cháu Phan Trọng H, sinh ngày 11/07/2006 và cháu Phan Lê Diệu T, sinh ngày 23/11/2015 cho bà Lê Thị Diệu L được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi trưởng thành; Về cấp dưỡng nuôi con: Đồng ý cấp dưỡng nuôi hai cháu H và Thảo mỗi tháng 3.000.000 đồng; Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo nội dung lời khai của bị đơn bà Lê Thị Diệu L trong quá trình giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phan Trọng P có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Thạnh 3, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 15/01/2005, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc.

Về con chung: Trong thời gian chung sống bà và ông P có 02 con chung tên Phan Trọng H, sinh ngày 11/07/2006 và cháu Phan Lê Diệu T, sinh ngày 23/11/2015.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Do ông P có người đàn bà khác ở bên ngoài.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Yêu cầu ông P phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền 75.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông P thì bà có ý kiến như sau: Về quan hệ hôn nhân: Không đồng ý ly hôn với ông P, khi nào ông P trả nợ cho Ngân hàng thì bà mới đồng ý ly hôn; Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Trường hợp bà và ông P ly hôn thì bà có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc con cung là Phan Trọng H, sinh ngày 11/07/2006; Phan Lê Diệu T, sinh ngày 23/11/2015 và yêu cầu ông P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi trưởng thành; Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về công nợ: Yêu cầu ông P phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền 75.000.000 đồng.

- *Theo nội dung lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP Đ trong quá trình giải quyết vụ án:* Đối với số nợ của ông Phan Trọng P và bà Lê Thị Diệu L tại Ngân hàng TMCP Đ thì hiện chưa đến thời hạn khách hàng phải trả nợ, do đó Ngân hàng không có yêu cầu độc lập gì trong vụ án này, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Theo nội dung lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP C trong quá trình giải quyết vụ án:* Theo hợp đồng tín dụng số 001/2018/3015687633-HĐCV/NHCT506 ngày 29/6/2018 và giấy nhận nợ ngày 29/6/2019 thì ông Phan Trọng P, bà Lê Thị Diệu L được Ngân hàng giải ngân cho vay số tiền 150.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng ông P, bà L còn dư nợ tại Ngân hàng là 21.492.874 đồng. Ngân hàng yêu cầu ông P, bà L phải thanh toán số tiền còn nợ và lãi suất phát sinh theo quy định, trường hợp không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Mil phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Quá trình giải quyết vụ án Ngân hàng TMCP C có đơn xin rút yêu cầu độc lập với ông Phan Trọng P, bà Lê Thị Diệu L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên toà xác định việc tuân thủ theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm đều tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật

Về nội dung vụ án: Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng Điều 217 đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Phan Trọng P, ông Phan Trọng P được ly hôn với bà Lê Thị Diệu L.

- Về con chung: Giao cháu Phan Trọng H, sinh ngày 11/07/2006 và cháu Phan Lê Diệu T, sinh ngày 23/11/2015 cho bà Lê Thị Diệu L được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu H và cháu T đủ 18 tuổi trưởng thành.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Phan Trọng P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Phan Trọng H và cháu Phan Lê Diệu T số tiền 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu H và cháu T đủ 18 tuổi trưởng thành, thời hạn cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày bản án có hiệu lực thi hành.

- Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu, nên không đặt ra để giải quyết.

- Về án phí: Ông Phan Trọng P phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

- Về yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Đình chỉ yêu cầu độc lập của Ngân hàng TMCP C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án xin ly hôn, bị đơn bà Lê Thị Diệu L có địa chỉ tại Tổ dân phố 04, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Do đó việc Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông thụ lý và giải quyết là đúng quy định tại Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của nguyên đơn ông Phan Trọng P: Đối với nguyên đơn ông Phan Trọng P, trong quá trình giải quyết vụ án đã có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông Lê Trọng Phúc theo quy định của pháp luật.

Về sự vắng mặt của bị đơn bà Lê Thị Diệu L: Đối với bị đơn bà Lê Thị Diệu L, sau khi vụ án được đưa ra xét xử, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa, tuy nhiên bà L vẫn vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà Lê Thị Diệu L theo quy định của pháp luật.

Về sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP Đ: Đối với Ngân hàng TMCP Đ trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt Ngân hàng TMCP Đ theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Ông Phan Trọng P và bà Lê Thị Diệu L có đăng ký kết hôn vào ngày 15/01/2005 tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã An Thạnh 3, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng, hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc. Trong thời gian chung sống ông Phan Trọng P, bà Lê Thị Diệu L có 02 con chung tên Phan Trọng H, sinh ngày 11/07/2006 và Phan Lê Diệu T, sinh ngày 23/11/2015. Thời gian chung sống ông P, bà L hay bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, ông P, bà L đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay.

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Trọng P:

- Về hôn nhân: Ông Phan Trọng P, bà Lê Thị Diệu L có đăng ký kết hôn tại trụ sở Uỷ ban nhân dân xã An Thạnh 3, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Đắk Nông. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc, thời gian đầu hai bên chung sống hạnh phúc với nhau, về sau thì hai bên bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do hai bên bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, hay xảy ra cải nhau, ông và bà L đã sống ly thân với nhau từ năm 2019 cho đến nay. Trong quá trình lấy lời khai ông P thừa nhận không còn tình cảm với bà L và muốn được ly hôn để ổn định cuộc sống vì hôn nhân vợ chồng không đạt được mục đích.

Xét thấy ông P, bà L đã sống ly thân với nhau, điều đó thể hiện quan hệ hôn nhân giữa ông P, bà L đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy để giải phóng cho hôn nhân không còn mục đích, Hội đồng xét xử nghĩ cần căn cứ vào Điều 56 Luật hôn

nhân và gia đình cho ly hôn giữa ông Phan Trọng P và bà Lê Thị Diệu L là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án ông P đồng ý giao cháu Phan Trọng H, sinh ngày 11/07/2006 và cháu Phan Lê Diệu T, sinh ngày 23/11/2015 cho bà Lê Thị Diệu L được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu H, cháu T đủ 18 tuổi trưởng thành, ngoài ra ông P, bà L thỏa thuận ông P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu H và cháu T với số tiền là 3.000.000 đồng/tháng. Hội đồng xét xử xét thấy các đương sự tự nguyện thỏa thuận với nhau, sự thỏa thuận của đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không trái quy định của pháp luật, do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận là phù hợp.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu, nên không đặt ra để giải quyết.

[2.2] Về yêu cầu của bị đơn bà Lê Thị Diệu L về quan hệ hôn nhân không đồng ý ly hôn với ông Phan Trọng P: Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Lê Thị Diệu L thừa nhận giữa bà và ông P có phát sinh mâu thuẫn vì ông P có người đàn bà khác ở bên ngoài, ông P, bà L đã sống ly thân với nhau từ năm 2020 cho đến nay, bà L thừa nhận không còn tình cảm gì với ông P, bà không đồng ý ly hôn với ông P vì lý do hiện ông P chưa trả số nợ chung 75.000.000 đồng cho Ngân hàng TMCP Đ. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của ông P, bà L đã đến mức trầm trọng, ông P, bà L đã sống ly thân với nhau từ lâu, điều này thể hiện cuộc sống hôn nhân giữa hai người không còn đạt được mục đích. Đối với số nợ 75.000.000 đồng trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng TMCP Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết vì số nợ chưa đến hạn thanh toán, đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án bà L cũng không có đơn yêu cầu phản tố đề nghị Tòa án giải quyết về số nợ tại Ngân hàng TMCP Đ, do đó Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bị đơn bà Lê Thị Diệu L.

[2.3] Về yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Trong quá trình giải quyết vụ án Ngân hàng TMCP C đã có đơn xin rút đơn yêu cầu độc lập vì ông P, bà L đã tất toán khoản vay tại Ngân hàng, do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần căn cứ Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp.

[3] Về án phí: Ông Phan Trọng P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên toà là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; Điều 217; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Phan Trọng P về việc xin ly hôn với bà Lê Thị Diệu L.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Trọng H, sinh ngày 11/07/2006 và cháu Phan Lê Diệu T, sinh ngày 23/11/2015 cho bà Lê Thị Diệu L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, đến khi cháu H và cháu T đủ 18 tuổi trưởng thành. Ông Phan Trọng P được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, bà L không được cản trở hoặc gây trở ngại đến việc thăm nom, giáo dục con chung.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014.

Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; yêu cầu cấp dưỡng, thay đổi mức cấp dưỡng, chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng hoặc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định các Điều 84; Điều 110; Điều 117; Điều 118 và Điều 119 Luật HNGĐ năm 2014.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Phan Trọng P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Phan Trọng Hiều và cháu Phan Lê Diệu T với số tiền 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu H và cháu T đủ 18 tuổi trưởng thành, thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực thi hành.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu, nên không đặt ra để giải quyết.

5. Về yêu cầu độc lập: Đình chỉ yêu cầu độc lập của Ngân hàng TMCP C.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 144; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Ông Phan Trọng P phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm trong ly hôn và 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con chung, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001739 ngày 04/9/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông. Ông Phan Trọng P còn phải nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con chung.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.000.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003497 ngày 09/7/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; Bị đơn; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
-Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông;
-VKSND tỉnh Đắk Nông;
-VKSND huyện ĐắkMil;
-Chi cục THA dân sự huyện ĐắkMil;
- UBND xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.
-Những người tham gia tố tụng;
-Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Đình Minh